

N Th n H c

Tác Giả: Giuse Phan T n Thành, OP.
Thứ Ba, 08 Tháng 3 Năm 2011 09:37

Ngu n g c a n th n h c b t ngu n kho ng m t th k nay, khi m t nhóm ph n Tin Lành ng i Hoa K h p nhau d i s đ u khi n c a Elizabeth Cady Stanton đ nghiên c u nh ng đ n Kinh Thánh nói v ph n .



hình minh h a

Chúng tôi b a ra t ng "n th n h c" đ d ch ti ng "feminist theology". L ra có th d ch là "th n h c n gi i" cũng đ c, nh ng nói nh v y thì e r ng các tác gi không b ng lòng. Th c v y, th n h c n gi i (hay ph n) có th hi u là th n h c v đàn bà nh ng do các ông vi t ra. Còn nói là "n th n h c" thì ph i hi u là do các n th n h c gia vi t ra, không nh ng v chính các ph n , mà còn v Thiên Chúa và các đ tài th n h c khác n a. Vì v y sau khi đã xét qua nh ng đ ng h ng c a các ngành th n h c tín lý, chúng tôi mu n đ ng l i "n th n h c" (NTH) tr c khi b c qua các ngành c a th n h c luân lý.

L ch s .

Ngu n g c a n th n h c b t ngu n kho ng m t th k nay, khi m t nhóm ph n Tin Lành ng i Hoa K h p nhau d i s đ u khi n c a Elizabeth Cady Stanton đ nghiên c u nh ng đ n Kinh Thánh nói v ph n . K t qu c a nh ng cu c h c h i y là tác ph m mang tên Woman's Bible (Thánh Kinh c a ph n), vào nh ng năm 1895-98.

V phía Công Giáo thì c n ghi nh n s thành l p "Liên minh Qu c t Jeanne d'Arc" bên Anh qu c, nh m c v s bình quy n nam n . Nh m nêu b t tôn ch c a mình, h dùng kh u hi u sau đây: "Hãy c u xin Chúa, Bà s nh m l i", đ nói lên r ng n i Chúa không có s phân bi t nam n tính hay ông bà gì h t.

NTH thần học sự phát triển từ thập niên 60 của thế kỷ 20, với những phong trào đòi cho phụ nữ cũng được làm mục sư hay linh mục, cũng như đòi quyền và với những phong trào thần học giải phóng. Trường NTH (Feminist theology) ra đời từ Hoa Kỳ năm 1971-72. Như đã nói ở đầu: tuy trước đây đã có những tác phẩm thần học về phụ nữ, những thách thức là do các ông (thách thức là đức thân nam) viết; bây giờ đến lượt các bà khởi sự suy tư thần học bắt đầu từ kinh nghiệm bản thân, và tranh đấu cho công cuộc giải phóng phụ nữ.

Cho đến nay, người ta nhận thấy có ba khuynh hướng chính của NTH:

1) Khuynh hướng thần học nhất chiễm đa số, tầm nhìn là ôn hòa, theo nghĩa là họ thần học hi vọng công cuộc suy tư thần học trong khuôn khổ của Thánh Kinh và Thánh Truyền như chúng tôi sẽ trình bày ở đây.

2) Khuynh hướng thần học hai thì chủ trương rằng công nhận phụ nữ vượt lên trên Kinh Thánh, xét vì Kinh Thánh ra đời trong môi trường xã hội phụ - hủ, trọng nam khinh nữ. Kinh Thánh đã ràng buộc Thiên Chúa vào những lỗi lầm của nam giới.

Tiêu biểu cho nhóm này là tác giả của quyển sách do Mary Daly xuất bản năm 1973: "Beyond God the Father" (Vượt lên Chúa là Cha). Theo tác giả, xét vì Thiên Chúa thuộc nam giới, cho nên nam giới cũng đòi làm Chúa. Công nhận tìm danh xưng nào tránh sự bá quyền của một phái như vậy, tác giả như "Chúa là Lỗi" (trong Anh ngữ, "verb" và hiểu được là "lỗi" và hiểu được là "động từ" theo văn phạm, với tính cách năng động của nó, đời sống và "danh từ" thì thái tĩnh). Daly chủ trương công nhận vượt qua những thách thức dùng trong Kinh Thánh, cũng như vượt lên chính Giáo Hội, những quy chuẩn áp chế, mà chôn phủ. Thay vào đó, tác giả đề nghị hợp nhất liên đoàn phụ nữ ("sorority", thay vì "fraternity"), lên đời thần học hi vọng công cuộc giải phóng, tìm sự hòa hợp với vũ trụ, với Thiên Chúa, lỗi năng động, nguôn sinh lực.

3) Khuynh hướng thần học ba chủ trương rằng cũng như xã hội mở ra đời trước xã hội phụ hủ, thì tôn giáo cũng đời như con người dành vị trí kính trọng thần thánh khi tiến từ nam thần. Do đó, nay NTH phải xúc tiến vị trí tôn giáo nữ thần (Goddess Religion). Chúng ta có thể kể đến Carol Christ, Naomi Goldenberg bên Hoa Kỳ, và Heide Goettner - Abendroth, Ursula Krattinger, Elda Sorge bên Âu châu.

Động hướng suy tư.

Khuyến khích người nhận tin đáng để ý học hỏi. Chúng ta hãy lướt qua những điểm suy tư của họ: với Thánh Kinh, Thánh Truyền cũng như những công trình thần học.

I. Kinh Thánh

NTH nhận thấy rằng cho đến nay sự đàn áp phần lớn được duy trì chính từ những đạo Tin Kính Thánh, từ những công trình 2-3 của sách sáng thế trình bày E-và được rút từ những sách của A-đam, E-và xúi A-đam phạm tội; E-và bị phạt phải chịu tù chung thân, v.v...; những điểm này được thánh Phao-lô lập luận trong các thư 1Cr 11,1-16; 14,34-35; Ep 5,21-33; 1Tm 2, 9-15.

Bởi vậy công cuộc giải phóng phần lớn phải bắt đầu bằng việc xét lại những đạo Tin Kính này. Và để đạt tới mục tiêu này, cần phải tìm ra một thuyết giải thích mới, phân biệt đâu là văn bản (text), đâu là sự diễn giải (message). Văn bản là thuộc vào tâm thức của thời đại, những sự diễn giải thì không bị thuộc vào văn hóa của thời đại, thậm chí nó còn vượt ngoài tâm thức của thời đại nữa.

Điểm khởi đầu là điểm mà Elizabeth Schuesser Fiorenza muốn nói trong tác phẩm nổi tiếng xuất bản năm 1983 "In memory of her" ("mối liên hệ đến bà", những lời Chúa Giê-su khen ngợi người phụ nữ đã đem đến sự sống cho nhân loại).

Thức vậy, không ai chối cãi được là Kinh Thánh đã ra đời trong khung cảnh xã hội patriarchy, trong đó có cả Phao-lô. Những điểm này chỉ như những điểm văn bản chứ không phải sự diễn giải. Sự diễn giải của Tân Ước là sự bình đẳng giữa nam nữ.

Trong công trình Ki-tô tiên khởi, ta thấy các phần lớn cũng được gọi là môn đệ của Chúa, cũng tham gia vào công cuộc truyền giáo. Đức Ki-tô đã mang lại một cuộc cách mạng xã hội, bởi vì theo như Phao-lô viết trong thư Galata 3,28: "từ nay không còn phân biệt Do thái hay Hy Lạp nữa, nô lệ hay tự do, nam hay nữ nữa: anh chị em chúng ta là một trong đức Ki-tô".

Schuesser Fiorenza viết: Thức ra, đây không phải là câu nói của chính Phao-lô, nhưng là lời tuyên xưng của các tín hữu tiên khởi khi lĩnh bí tích rửa tội (đức Ki-tô đã gọi họ thoát chúng ta, và

xóa b h t m i đ c ân và th ng tr).

C ng đ ng Ki-tô h u tiên kh i qu đã th c hi n m t cách m ng gi a xã h i c truy n Do thái và Hy l p th i đó. Th nh ng s đ i p c a Tin M ng v n ch a thoát đ c v n b n c truy n; vì th không l chi m t đàng Phao-lô qu quy t s bình đ ng nam n , đàng khác thì đòi h i ng i n ph i từng ph c ng i nam, ho c gi m t ch thnh l ng trong c ng đàng.

Tuy v y, không th nói r ng Kinh Thánh b bóp ngh t b i tâm th c ph h : n u ch u khó đ c k , ta v n nh n th y r ng Tin M ng thánh Mác-cô ch p nh n cho n gi i cũng đ c theo làm môn đ c a đ c Ki-tô (trái v i t c l Do thái th i đó), ho c Tin M ng thánh Gio-an đ t tình yêu và s ph c v làm nguyên lý t ch c Giáo H i, ch không ph i ch c v nh trong xã h i c truy n.

Khuynh h ng gi i thích Kinh Thánh theo chi u h ng ph h tr thành đ c tôn t th k th 4. NTH c n ph i làm sáng t nh ng nhân t đã bóp méo s đ i p m c kh i qua giòng l ch s ; làm sao đ tr l i tính ch t cách m ng c a s đ i p đ c Ki-tô.

II. Thánh Truy n.

Cũng trong chi u h ng y, nhi u tác gi đã vi t l i nh ng trào l u t t ng nào đã nh h ng đ n s đàn áp ph n trong su t l ch s Ki-tô giáo, t a nh thuy t c a Platon, Aristote, nh ng khung c nh xã h i th ng và trung c .

Thuy t Platon thiên v bi u t ng và phân bi t, vì th nên không l chi n gi i là bi u t ng c a th xác, t i l i, y u t; còn nam gi i bi u t ng c a tinh anh, trong sáng. Aristote coi đàn bà nh "đàn ông thi u h t" (mas occasionatus).

Nh ng t t ng y đã nh h ng r t nhi u đ n th n h c trong quá kh . Thêm vào đó, trong các ngôn ngữ Âu tây, t ng "ng i" (homme, man) v a ch ch ng lo i con ng i, v a ch đàn ông; vì th không l gì đàn bà b coi là kém ch t ng i!

Trong khi mà Marx phân tích lịch sử dßi cái nhìn đäu tranh giai cấp, thì NTH đäc lßi lịch sử dßi lăng kính của sự kiện phái tính. Bởi vậy, tiến trình giới phóng con người phải đi đän xóa bỏ sự phân biệt giới.

III. Nhân học.

Chúng ta räo qua vài đä tài chính của công cuộc suy tä NTH: Thiên Chúa, Ki-tô học, Thánh Mäu học, Giáo Hội học, Luân Lý học.

1) Thiên Chúa. Như trên đã nói, có những khuynh hướng cho rằng danh xưng Chúa là Cha; hoặc cho rằng khôi phục lại tôn giáo nô thần. Nhóm ôn hòa thuộc khuynh hướng thứ nhất muốn vạch ra những tính chất của Thiên Chúa, như sự "Khôn ngoan" (Sapientia, Sagesse, giới ngß cái), hay "Thần Linh", (trong tiếng Do thái: Ruah, thuộc giới ngß cái, những trở nên giới ngß đäc trong tiếng Hy Lạp Pneuma, tiếng La Tinh Spiritus, Esprit).

Tuy nhiên, khi xét lại danh xưng Thiên Chúa là Cha (11 lần trong Cựu Ước và 170 lần trong Tân Ước), tiếng Cha không đäng hóa với "paterfamilias" đäc đoán näm quyän sinh tử, như trong xã hội La-Mã. Tiếng Cha của Tân Ước gợi lên mối quan hệ đäc Giê-su Cựu Thä, Người đã đän trở nän gian đä loan báo sự giới phóng hình thái của hình thức käthä, xét vì tất cả mối ngß đäu là con của một cha trên trời. Do đó, việc gọi Thiên Chúa là Cha không đäa tới sự käthä nä giới, những ngß đäc, nó nói lên tính cách bình đäng tä do trong Näc Trời.

2) Ki-tô học. Không ai có thể chối cãi đäc đäc Giê-su là người nam. Tuy nhiên một đäng NTH cho thấy Ngài đã sống nam tính rất giới ngß mäu, cả về giới ngß cách kính trọng. Đäng khác đäc Ki-tô là ngôn sứ mang đän sự đäp giới phóng cho con người, giới phóng khi những hà hiäp.

Dù sao, đäc Ki-tô là đäng Cựu thä, näi giới ngß của Thiên Chúa với con người xét như là con người. Đäc Ki-tô là trung gian xét như là con người, chứ không phải xét như là người nam giới.

3) Thánh Mäu học. Những tác giới của đoạn nhất đã täy chay đäc Ma-ri-a, vì xưa nay đã bị đäng đä hình ảnh của người nä phái täng, chịu đäng, thay vì vùng lên tranh đäu tä do.

Nhị ng gụ n đây NHT đã xét lị i lị p trị ng cị a hị . Không thi u ng i mu n coi đ c Ma-ri-a nhị hi n thân cị a khuôn m t ph n cị a Thiên Chúa. Nhị ng có ng i ph n đ i, xét vì nhị v y là r i vào c m b y cũ cị a khuôn m u ph h , coi Thiên Chúa nhị là ng i nam, đang khi mà NTH đã ch tr ng là Thiên Chúa v t lên trên khung c nh ph h c mà.

Chính vì v y, c n ph i trình bày đ c Ma-ri-a d i vi n nh khác, nh m t ph n c i m v i tác đ ng cị a Thánh Thụ n, bi u l qua thánh ca Magnificat, tuyên d ng Thiên Chúa đã đ ng gi i phóng ng i nghèo, ng i b áp b c; Ma-ri-a là m t ph n chú ý đ n nhu c u cị a tha nhân, chia s nhị ng lo âu khác kho i cị a hị .

4) Giáo H i hị c. đây có l là đ i m gai góc nh t, xét vì ph i bàn đ n vai trò cị a ph n trong Giáo H i. Ti c r ng ng i ta chú tr ng đ n v n đ truy n ch c linh m c, và quên đi nhị ng khía c nh khác.

5) Luân Lý hị c. NHT nh n m nh đ n m t khía c nh cị a t i, đó là nó làm méo mó bang giao nhân b n. Vì v y s hoán c i ph i đ c coi nh là vi c ch nh h ng l i m i bang giao, đ c bi t trong t ng quan nam n , h ng đ n s thông hi p. T ng quan nam n không ph i d a trên s "ph c t ùng", hay "b túc"; song là "h t ng trong khác bi t".

Ngu n Đa Minh Vi t Nam